

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 157, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 46/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Trước sáp nhập) là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Thái Nguyên vắng mặt tại phiên hòa giải tuy nhiên đã có văn bản nhất trí với những nội dung các đương sự đã thỏa thuận theo biên bản hòa giải thành.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nông Thị X** - Sinh năm: 1937. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nay là thôn Đ, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T** - Sinh năm: 1965. Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nay là thôn N, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

* *Bị đơn:* Bà **Hứa Thị N** - Sinh năm: 1975. Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nay là thôn T, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị **Đinh Hứa T1** - Sinh năm: 1999.

- Chị **Đinh Hoài A** - Sinh năm: 2007. Người đại diện theo ủy quyền là: Bà Hứa Thị N.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

- Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Thái Nguyên.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lăng Văn C** - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế xã V, tỉnh Thái Nguyên.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông **Đinh Xuân D** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T2 - tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số A, đường T, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đơn:* Bà **Hoàng Thị Thu H** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T2 - tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số A, đường T, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 2.298 m² được giới hạn bởi các mốc 1 - 2 - 3 - 4 - 18 - 19 - 20 - 21 - 7 - 8 - 9 - 14 - 15 - 16 - 17 - 1.

2.2. Bị đơn được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 322,5 m² được giới hạn bởi các mốc 4 - 5 - 6 - 7 - 21 - 20 - 19 - 18 - 4.

Địa chỉ đất: Đồi chè Kéo L thuộc thôn Đ, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nay là thôn Đ, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

(Diện tích đất tranh chấp được xác định theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/6/2025 có bản trích đo địa chính thửa đất kèm theo).

2.3. Bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Xác nhận bị đơn đã trả đủ cho nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

2.4. Bị đơn được sở hữu 40 cây chè và 01 cây hồi đã phát trên diện tích đất tranh chấp.

2.5. Nguyên đơn không yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) gồm:

- GCNQSDĐ số AO 210558 ngày 17/7/2008 do UBND huyện B cấp cho hộ ông Đinh Duy V và bà Hứa Thị D1 đối với thửa đất số 459, tờ bản đồ số 1.

- GCNQSDĐ số BI 650466 ngày 04/8/2015 do UBND huyện B cấp cho ông Đinh Duy L và bà Hứa Thị N đối với thửa đất số 459, tờ bản đồ số 1.

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo ranh giới các đương sự đã thỏa thuận.

2.6. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn bà Hứa Thị N phải bồi thường thiệt hại đối với 40 cây chè, 01 cây hồi mà bà N đã chặt hạ với số tiền 15.000.000 đồng

(Mười lăm triệu đồng)

2.7. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 8.400.000 đồng *(Tám triệu bốn trăm nghìn đồng)*.

- Nguyên đơn tự nguyện chịu 4.200.000 đồng *(Bốn triệu hai trăm nghìn đồng)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ. - Bị đơn tự nguyện chịu 4.200.000 đồng *(Bốn triệu hai trăm nghìn đồng)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do đó, bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 4.200.000 đồng *(Bốn triệu hai trăm nghìn đồng)*. Xác nhận bị đơn đã trả đủ cho nguyên đơn số tiền 4.200.000 đồng *(Bốn triệu hai trăm nghìn đồng)*.

2.8. Về án phí: Nguyên đơn bà Nông Thị X và bị đơn bà Hứa Thị N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Anh Tuấn